**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN CHỢ GẠO**
**TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **47**/2019/HNGĐ-ST;
Ngày: 17/01/2019.
*V/v "Xin ly hôn".*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Võ Thị Xuân**;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Mai Lưu Quốc Đạt**;

Bà **Dương Hiền Huệ**;

***- Thư ký phiên tòa***: Bà **Lê Nguyễn Ái Quyên**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa***: Ông **Phạm Minh Thanh** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 541/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2018 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 213/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: **LÊ THỊ DIỄM H** - sinh năm 1990.

Địa chỉ: ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

*2. Bị đơn*: **PHẠM HỮU T -** sinh năm 1984.

Địa chỉ: số 28 Ô 3, khu II, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

(*Chị H có mặt; anh T vắng mặt*)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

** Tại đơn xin ly hôn và các lời trình bày tại tòa nguyên đơn chị Lê Thị Diễm H trình bày:*

Chị và anh Phạm Hữu T cưới nhau vào năm 2013, do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C. Quá trình chung sống hạnh phúc đến

năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh T không quan tâm đến gia đình, hay nhậu nhẹt, cờ bạc, bản thân chị mâu thuẫn với gia đình chồng nên chị đã về nhà mẹ ruột ở từ tháng 4/2017 cho đến nay. Chị đã khuyên can anh T nhiều lần nhưng không được nên chị và anh T đã sống ly thân từ tháng 4/2017 cho đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể trở lại chung sống được nữa nên chị xin được ly hôn.

Về con chung: Có 01 con tên Phạm Trí T – sinh ngày 04/6/2016, hiện con đang sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu T.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

** Bị đơn anh Phạm Hữu T mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.*

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Diễm H về việc xin ly hôn, về yêu cầu nuôi con chung.*

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xác định quan hệ đang tranh chấp là "Xin ly hôn".

[1] Xét bị đơn anh Phạm Hữu T đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh T.

[2] Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Diễm H, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Lê Thị Diễm H và anh Phạm Hữu T cưới nhau năm 2013, do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Chị H xin ly hôn với anh T với lý do bất đồng quan điểm trong cuộc sống anh T không quan tâm đến gia đình, hay nhậu nhẹt, cờ bạc, chị H mâu thuẫn với gia đình chồng nên chị H và anh T đã sống ly thân từ tháng 4/2017 cho đến nay. Tại phiên tòa chị H vẫn cương quyết xin ly hôn với anh T, phía anh T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa cho thấy anh T không có thành ý cứu vãn cuộc hôn nhân giữa anh chị. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và

anh T không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của chị Lê Thị Diễm H là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

Về con chung: Xét yêu cầu nuôi cháu Phạm Trí T - sinh ngày 04/6/2016 của chị H là có cơ sở vì cháu T đang sống với chị H đã ổn định về chỗ ở, về điều kiện sinh hoạt; ngoài ra hiện tại cháu T dưới 36 tháng tuổi. Phía anh T không có văn bản trình bày ý kiến về việc nuôi dưỡng cháu T và vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cháu T cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu T.

Về tài sản chung: Chị H khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Chị H khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Lê Thị Diễm H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

[3] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Luật hôn nhân gia đình.

- Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Diễm H.

Về tình cảm: Chị Lê Thị Diễm H được ly hôn với anh Phạm Hữu T.

Về con chung: Giao cháu Phạm Trí T – sinh ngày 04/6/2016 cho chị Lê Thị Diễm H nuôi dưỡng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, lao động được.

Anh Phạm Hữu T được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn. Trường hợp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Về án phí: Chị Lê Thị Diễm H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị đã tạm nộp

theo biên lai số 0015240 ngày 12/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, do vậy chị H đã nộp xong án phí.

Báo nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

*Nơi nhận:*
- Toà án nhân dân tỉnh
- VKSND huyện C;
- CQ thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Võ Thị Xuân**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**